

Bản án số: **497/2025/HS-PT**

Ngày 05 tháng 6 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Quang Huy

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Tâm

Ông Lê Quang Chiều

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đăng Khoa - *Thư ký Toà án;*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Duyên - *Kiểm sát viên.*

Ngày 05 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 339/TLPT-HS ngày 10/4/2025 đối với bị cáo Nguyễn Thái H do có kháng cáo của bị cáo trong vụ án đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2025/HS-ST ngày 27/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Nguyễn Thái H, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, TP .; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Chuyên môn: Trung cấp quản lý trại giam; Nghề nghiệp: nguyên cán bộ Đội cảnh sát Thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp, Công an quận L, TP . (xuất ngũ ngày 14/3/2024); Con ông Nguyễn Thái V (*đã chết*); Con bà Tạ Thị Đ; Có vợ là Chu Thị P và có 01 con, sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam từ ngày 06/12/2024; *Có mặt.*

*** Bị hại:**

- Anh Chu Văn T, sinh năm 1990. Nơi thường trú: Thôn Đ, xã P, huyện Đ, TP. Hà Nội; *Có mặt.*

- Chị Trần Thị Thu N, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, huyện Đ, TP. Hà Nội; *Vắng mặt.*

*** Người làm chứng:**

Anh Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, huyện Đ, TP. Hà Nội; *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 05 năm 2022, anh Chu Văn T bị Tòa án nhân dân TP. Hà Nội xử phạt 30 tháng tù giam về tội “Đánh bạc”. Đầu tháng 3 năm 2023, do muốn hoãn chấp hành án phạt tù, qua giới thiệu của người thân trong gia đình, anh T biết Nguyễn Thái H (là cháu rể gia đình anh T) là cán bộ thuộc Công an quận L nên anh T liên hệ nói chuyện với H. Anh T1 gọi điện thoại đến số điện thoại 0964.***** và tài khoản zalo “Thái H” của H để trao đổi, xin hoãn thi hành. H nói cho anh T1 biết H quen một người tên “T1 béo” (không nói rõ họ và tên) là bạn của H tại Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp - Công an thành phố H (PC10) sẽ giúp anh T1 hoãn thi hành án. H nói nếu anh T1 muốn xin hoãn chấp hành án trong 06 tháng thì mất 100.000.000 đồng, anh T1 đồng ý.

Đến ngày 15/03/2023, anh T1 nhờ anh Nguyễn Văn Đ1 (*sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, huyện Đ, Hà Nội – là bạn anh T1*) chở anh T1 đến cây ATM T3 gần khu vực N, quận B, Hà Nội, để rút số tiền 50.000.000 đồng. Sau đó, anh Đ1 tiếp tục chở anh T1 đến quán C tại Khu B, thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, Hà Nội để gặp H theo định vị H gửi cho anh T1. Tại quán cafe, anh T1 đưa cho H 80.000.000 đồng tiền mặt và chuyển khoản 20.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng của anh T1 đến tài khoản ngân hàng của H, nội dung chuyển khoản là “Tuan chuyen”.

Đến ngày 27/03/2023, anh T1 muốn nhờ H xin hoãn chấp hành án thời hạn 01 năm (nhiều hơn thời gian thỏa thuận ban đầu 06 tháng). Anh T1 trao đổi ý định trên với H. H yêu cầu anh T1 đưa thêm 50.000.000 đồng. Anh T1 đồng ý và nhờ chị Trần Thị Thu N chuyển tiếp 50.000.000 đồng từ số tài khoản ngân hàng của chị N đến số tài khoản nêu trên của H ngay trong ngày, nội dung chuyển khoản là “Tuan ck”. Tổng cộng số tiền mà anh T1 và chị N giao trực tiếp, chuyển khoản cho H là 150.000.000 đồng.

Mấy ngày sau, anh T1 nhận được thông báo yêu cầu đi chấp hành án, anh T1 gọi điện và nhắn tin hỏi H, nhưng H chỉ nhắn tin và nói: “chú yên tâm, đừng có giục cháu, đã đưa tiền rồi nhờ người ta rồi, cháu không giám giục nhiều, đã nhờ người ta rồi, ...”. Quá trình bàn bạc thỏa thuận việc hoãn chấp hành án, H chỉ yêu cầu anh T1 đưa tiền và không hướng dẫn anh T2 làm gì. Đến ngày 24/05/2023, anh T1 bị Cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố H áp giải đi chấp hành án phạt tù đến Trại tạm giam số 1– Công an T theo quyết định thi hành án phạt tù số 42 ngày 05/10/2022 của Toà án nhân dân huyện Đan Phượng, TP .. Biết H không lo được cho anh T1, chị N đã nhiều lần yêu cầu H hoàn trả lại số tiền 150.000.000 đồng, H hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả lại tiền, chị N đã làm đơn gửi Công an huyện Đ để tố giác H.

Tài liệu, chứng cứ thu giữ của chị Trần Thị Thu N: 01 USB màu trắng nhãn hiệu HP 8GB lưu dữ liệu 01 đoạn ghi âm tên “Bản ghi âm.m4a” dài 02 phút 07 giây.

Ngày 18/3/2024, Cơ quan Điều tra có quyết định trưng cầu giám định dữ liệu điện tử và giọng nói đối với bản ghi âm đã thu giữ của chị N. Tại kết luận giám định số 2024 ngày 17/7/2024, V1 - Bộ C1 kết luận:

- Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các tệp ghi âm và tệp video mẫu cần giám định;

- Tiếng nói người đàn ông được gọi là "H, bạn" trong file ghi âm cần giám định (Ký hiệu là H trong bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) với tiếng nói của anh Nguyễn Thái H trong mẫu so sánh là của cùng một người.

- Nội dung hội thoại trong mẫu cần giám định đã được chuyển thành văn bản. Kèm theo Kết luận giám định gồm: 01 bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định gồm 02 trang khổ A4.

Ngày 05/9/2023, Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng có công văn gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ xác định: "... Quá trình thi hành án của người bị kết án Chu Văn T, Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng triệu tập Chu Văn T nhưng T không đến nhận quyết định thi hành án cũng như Toà án không nhận được bất kỳ đơn từ gì về việc hoãn thi hành án của Chu Văn T nên không có việc hoãn thi hành án cho anh T. Đối với việc hoãn thi hành án nếu người được hoãn thi hành án có đơn và đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 67 Bộ luật hình sự thì người bị kết án sẽ được hoãn thi hành án và không phải chịu bất kỳ chi phí tố tụng nào".

Ngày 02/12/2024 Phòng Cảnh sát thi hành án và hỗ trợ tư pháp Công an thành phố H (PC10) có công văn gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ xác định: *Phòng PC10 không có cán bộ nào có biệt danh là "T béo".*

*** *Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2025/HS-ST ngày 27/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội đã quyết định:***

- *Tuyên bố:* Bị cáo Nguyễn Thái H phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Áp dụng: Điểm c Khoản 2 Điều 174; Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự; Xử phạt: Nguyễn Thái H 42 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/12/2024. Buộc Nguyễn Thái H phải bồi thường cho anh Chu Văn T, chị Trần Thị Thu N số tiền 150.000.000 đồng. Bản án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp bảo đảm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/3/2025, bị cáo Nguyễn Thái H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị xác định bị cáo không phạm tội, bị cáo cho rằng quá trình xét xử tại cấp sơ thẩm thực hiện không đúng thủ tục tố tụng. Bị hại trong vụ án không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị bản án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Bị cáo giữ nguyên kháng cáo của mình. Bị cáo cho rằng mình không có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh T, chị N; không hứa hẹn giúp anh T được hoãn thi hành án phạt tù; bị cáo có ý kiến đề nghị xem xét quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại cấp sơ thẩm có vi phạm về thủ tục tố tụng. Bị cáo cũng xác nhận đã nhận 70.000.000 đồng từ anh T, chị N qua tài khoản ngân hàng; xác nhận tháng 3/2023 bị cáo có đến Quán cà phê J, nhưng không vào bên trong quán mà chỉ đứng ngoài cửa gặp anh T. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xác định bị cáo không phạm tội như bản án sơ thẩm đã quy kết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: *Về tố tụng:* Kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, cần được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. *Về nội dung:* Bản án sơ thẩm kết án bị cáo Nguyễn Thái H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là có căn cứ, đúng pháp luật.

Mức hình phạt của bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo 42 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, không có tình tiết nào mới để làm căn cứ giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Kháng cáo của bị cáo được làm trong thời hạn luật định, đảm bảo về chủ thể kháng cáo theo Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; hình thức và nội dung đơn kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra; Căn cứ vào lời khai của các bị hại, người làm chứng, kết luận giám định, sao kê tài khoản ngân hàng, nội dung tin nhắn trao đổi, giao dịch giữa bị cáo với bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Nguyễn Thái H nguyên là cán bộ công tác tại Đội cảnh sát Thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp, Công an quận L. Trong tháng 3 năm 2023, Nguyễn Thái H đã nhiều lần trao đổi, hứa hẹn với anh Chu Văn T là bị cáo có quan hệ với người có thẩm quyền, có thể giúp anh T được hoãn thi hành án phạt tù để anh Chu Văn T, chị Trần Thị Thu N tin tưởng, giao cho bị cáo 150.000.000 đồng nhưng bị cáo không thực hiện công việc như đã hứa hẹn mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền đã nhận của các bị hại (*Cụ thể các lần giao tiền: Ngày 15/3/2023, bị cáo đã nhận 100.000.000 đồng của anh T gồm 80.000.000 đồng tiền mặt và 20.000.000 đồng nhận qua tài khoản ngân hàng của bị cáo; Ngày 27/3/2023, bị cáo đã nhận 50.000.000 đồng từ chị N chuyển qua tài khoản của bị cáo*). Anh Chu Văn T cũng không được hướng dẫn các thủ tục xin hoãn thi hành án phạt tù, mà vẫn đi thi hành án theo quy định.

Mặc dù, tại Cơ quan điều tra và tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thái H không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo cho rằng mình bị oan, nhưng Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu như sau để xác định hành vi phạm tội của bị cáo:

+ Căn cứ lời khai của bị hại Chu Văn T về việc bị cáo đã trao đổi, hứa hẹn, thoả thuận với bị hại về việc quan hệ với người có thẩm quyền giúp bị hại T hoãn thi hành án phạt tù.

+ Căn cứ vào nội dung tin nhắn giữa bị cáo với bị hại T, thể hiện bị cáo hứa hẹn giúp anh T xin hoãn thi hành án, nội dung xác nhận đã nhận tiền của anh T và nói đã đưa tiền cho người khác để giúp anh T hoãn thi hành án.

+ Căn cứ nội dung đoạn ghi âm hội thoại giữa chị Trần Thị Thu N với bị

cáo, thể hiện bị cáo xác nhận đã nhận tiền của anh T liên quan đến việc xin hoãn thi hành án nhưng không giúp được và hứa sẽ trả lại tiền. Căn cứ Kết luận giám định của V1 Bộ C1, kết luận tiếng nói trong đoạn ghi âm đó là tiếng nói của bị cáo Nguyễn Thái H.

+ Căn cứ vào lời khai người làm chứng Nguyễn Văn Đ1 về việc chứng kiến nội dung trao đổi giữa anh Chu Văn T với Nguyễn Thái H tại Quán C liên quan đến việc anh T nhờ bị cáo xin hoãn thi hành án; Chứng kiến việc anh T đưa cho bị cáo 80.000.000 đồng; Căn cứ biên bản nhận dạng anh Đ1 nhận dạng ra bị cáo.

+ Căn cứ chính lời khai của bị cáo về việc xác nhận có đến Quán café J gặp anh T; Lời khai của bị cáo xác nhận đã 02 lần nhận số tiền 70.000.000 đồng qua tài khoản do anh T, chị N chuyển; Lời khai của bị cáo xác nhận bị cáo có sử dụng số điện thoại 0964.***** và tài khoản zalo “Thái Hiệp” có nội dung trao đổi với anh T.

+ Căn cứ kết quả xác minh tại Toà án nhân dân huyện Đan Phượng thể hiện Toà án không nhận được đơn và hồ sơ xin hoãn thi hành án của anh T và người có đơn xin hoãn thi hành án không phải nộp bất cứ khoản chi phí tố tụng nào. Căn cứ kết quả xác minh tại Phòng Cảnh sát Thi hành án và Hồ trợ tư pháp Công an T xác định tại đơn vị trên không có người nào có biệt danh “T béo” như nội dung bị cáo trao đổi với bị hại đã nhờ người có tên là “T béo giúp” làm thủ tục hoãn thi hành án.

+ Hội đồng xét xử cũng xem xét, đánh giá lời khai bị cáo cho rằng: Bị cáo nhận 70.000.000 đồng từ anh T, chị N để đổi tiền từ tài khoản sang tiền mặt theo yêu cầu của anh T, nhưng bị cáo cũng không đưa ra được căn cứ nào chứng minh cho sự việc trên. Bản thân anh T, chị N cũng đều khẳng định không có việc nhờ bị cáo đổi tiền như trên. Các lời khai của bị cáo còn mâu thuẫn với các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án nên không có giá trị chứng minh.

Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu nêu trên và chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thái H đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại như bản án sơ thẩm đã xác định, bị cáo không bị oan như kháng cáo của bị cáo đã nêu. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm luật hình sự, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác. Bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt của bị hại số tiền 150.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo của bị cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, tại phiên toà Hội đồng xét xử đã làm rõ bị cáo kháng cáo vì cho rằng mình không phạm tội, mức hình phạt đối với bị cáo là không thoả đáng, bị cáo cho rằng cấp sơ thẩm điều tra, truy tố, xét xử đối với bị cáo không khách quan, vi phạm thủ tục tố tụng.

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

- Về tội danh đối với bị cáo: Như Hội đồng xét xử đã phân tích ở trên, trong vụ án này bị cáo có hành vi dùng thủ đoạn gian dối, để bị hại tin tưởng giao cho bị cáo số tiền 150.000.000 đồng, bị cáo đã chiếm đoạt, sử dụng vào mục đích cá nhân, không trả lại cho bị hại. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Bản án sơ thẩm kết án bị cáo về tội danh, điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng pháp luật. Nội dung kháng cáo của bị cáo cho rằng mình không phạm tội là không có cơ sở, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về hình phạt đối với bị cáo:

+ Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét: Bị cáo phạm tội nghiêm trọng, có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã từng công tác trong lực lượng vũ trang, có đóng góp một phần cho xã hội, để từ đó áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo và xử phạt bị cáo 42 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới; bị cáo cũng không ăn năn hối cải, không thành khẩn khai báo, không bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại. Vì vậy, không có cơ sở giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

- Về việc bị cáo có ý kiến cho rằng cấp sơ thẩm điều tra, truy tố, xét xử đối với bị cáo là không khách quan, có nhiều vi phạm thủ tục tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử đối với bị cáo cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, đúng về trình tự thủ tục tố tụng do pháp luật quy định; Việc điều tra, thu thập chứng cứ, tài liệu, đánh giá chứng cứ của vụ án được tiến hành khách quan, thận trọng. Vì vậy, các nội dung kháng cáo trên của bị cáo là không có cơ sở.

- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, biện pháp bảo đảm thi hành án là đúng pháp luật, cần được giữ nguyên.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ các nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thái H, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

[2.3] Về các nội dung khác

Về án phí: Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 343 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thái H. Giữ nguyên các quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2025/HSST ngày 27/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội về phần tội danh, hình phạt, trách nhiệm dân sự đối với bị cáo Nguyễn Thái H, cụ thể như sau:

1.1. Về tội danh, hình phạt đối với bị cáo: Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 174; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

+ **Xử phạt bị cáo: Nguyễn Thái H (bốn mươi hai) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.** Thời hạn tù tính từ ngày 06/12/2024.

1.2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng: Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589, 357, 468 Bộ luật Dân sự.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thái H phải bồi thường cho anh Chu Văn T và chị Trần Thị Thu N số tiền 150.000.000 đồng (*một trăm năm mươi triệu đồng*).

- *Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Thái H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp TP. Hà Nội;
- TAND huyện Đông Anh;
- VKSND huyện Đông Anh;
- Chi cục THADS huyện Đông Anh;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Quang Huy